

Số: 420/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 1983

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Tiêu chuẩn địa phương về NƯỚC TƯƠNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30-6-1983 ;
- Căn cứ Nghị định số 141/HĐBT ngày 24-8 -1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa.
- Căn cứ Thông tư số 488/KHKT/TT ngày 05-06-1966 của Ủy ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nhà nước về việc xây dựng, xét duyệt, ban hành quản lý tiêu chuẩn Kỹ thuật địa phương của sản phẩm Công nghiệp, Nông nghiệp.
- Xét yêu cầu cần thiết của công tác quản lý kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Khoa Học và Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH

- ĐIỀU I** : Nay ban hành kèm theo quyết định này tiêu chuẩn địa phương NƯỚC TƯƠNG – Yêu cầu kỹ thuật, ký hiệu 53 TCV 53 – 83.
- ĐIỀU II** : Tiêu chuẩn này là căn cứ đánh giá chất lượng sản phẩm trong phạm vi sản xuất (thuộc các cơ sở Quốc doanh, Công Tư Hợp doanh, Tập thể và Cá thể) cũng như trong lưu thông phân phối.
- Các cơ sở sản xuất phải dựa vào các tiêu chuẩn này để tổ chức sản xuất và quản lý kỹ thuật tốt nhằm đạt tiêu chuẩn qui định.
 - Các cơ sở kinh doanh phải tổ chức thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn này trong khâu lưu thông, phân phối.
- ĐIỀU III** : Các cơ quan quản lý phải đôn đốc theo dõi kiểm tra để đề nghị khen thưởng những cơ sở thực hiện hết tiêu chuẩn đã ban hành và xử lý nghiêm minh những cơ sở làm ăn gian dối, cố ý không thực hiện tiêu chuẩn.
- ĐIỀU IV** : Tiêu chuẩn trên có hiệu lực kể từ ngày 01-01-1984 và phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong toàn Thành phố.

ĐIỀU V : Các Đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành Phố, Trưởng Ban Khoa học và Kỹ Thuật, Thủ trưởng các Sở Ban Ngành Thành Phố, Liên Hiệp Xã Thành phố, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các Quận, Huyện và các Cơ sở có liên quan sản xuất và kinh doanh Nước Tươi trong Thành phố, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- Như ở điều V
- Văn Phòng Thành ủy
- Ủy Ban Khoa Học Kỹ Thuật NN (để báo cáo)
- Bộ Lương Thực Thành Phố
- VP.Ủy Ban (A.Giáp, A.Nga)
- Chi Cục TC-DL-CL.
- Lưu.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH
PHỐ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

VÕ THÀNH CÔNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TIÊU CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG

NƯỚC TƯƠNG

YÊU CẦU KỸ THUẬT

53 TCV 58 – 83

Cơ quan biên soạn : Chi Cục Tiêu chuẩn – Đo Lường – Chất Lượng

Cơ quan trình duyệt : Ban Khoa Học và Kỹ Thuật

Thành Phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan xét duyệt và ban hành : Ủy Ban Nhân dân

Thành Phố Hồ Chí Minh.

Quyết định ban hành số : 420/QĐ-UB

Ngày : 16/12/1983

TIÊU CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	NƯỚC TƯƠNG	53 TCV 58 - 83
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Yêu cầu Kỹ Thuật	Có hiệu lực từ

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Nước Tương, được sản xuất và lưu thông phân phối trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Nước Tương là dung dịch trích của sản phẩm lên men từ hạt đậu (chủ yếu là hạt đậu nành), được gia tăng hương vị bằng bột ngọt (Mono Sodium glutamat), muối ăn và đường trắng.

1.2. Phân loại :

Nước Tương được chia làm 3 hạng :

- Thượng hạng
- Hạng nhất
- Hạng nhì

1.3. Yêu cầu cảm quan

Các yêu cầu cảm quan của Nước Tương phải theo đúng qui định trong bảng 1.

Bảng 1

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Độ trong	Dung dịch trong, không vẩn đục, không lắng cặn
2. Màu sắc	Nâu đen
3. Mùi	Mùi đặc trưng của nước tương, không có mùi lạ
4. Vị	Mặn vừa, hậu vị dịu, không có vị lạ

1.4. Yêu cầu hóa học

Các yêu cầu hóa học của Nước Tương phải theo đúng quy định trong bảng 2.

Bảng 2

Tên chỉ tiêu	Thượng hạng	Hạng nhất	Hạng nhì
1. Đạm toàn phần, g/l không nhỏ hơn	16,0	12,0	8,0
2. Đạm fôcmôn, g/l không nhỏ hơn (1)	8,0	6,0	4,0
3. Đạm ammôniac, g/l không nhỏ hơn (2)	4,0	3,0	2,0
4. Muối ăn (NaCl) trong khoảng	140,0 – 226,0	140,0 – 220,0	140,0 – 220,0
5. Độ axit, tính ra CH ₃ COOH g/l, trong khoảng (3)	5,0 – 14,0	5,0 – 14,0	5,0 – 14,0

Chú thích :

(1) Tỉ số Đạm Fôcmôn x 100, phải lớn hơn 50%
Đạm toàn phần

(2) Tỉ số Đạm Ammoniac x 100, phải nhỏ hơn 50%
Đạm Fôcmôn

(3) Độ tương ứng, khoảng 4,0 – 6,0

1.5. Yêu cầu Vi sinh vật

Các yêu cầu Vi sinh vật phải theo đúng quy định trong bảng 3

BẢNG 3

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Tổng số vi khuẩn trong 1ml, không quá	5.000
2. Escherichia coli	0
3. Staphylococcus aureus	0
4. Streptococcus faecalis	0
5. Clostridium perfringens	5.000

1.6. Yêu cầu bảo đảm chất lượng

1.6.1. Nước Tương thành phẩm, trước khi xuất xưởng, phải được bộ phận kiểm tra, đóng dấu hoặc ký giấy chứng nhận chất lượng.

1.6.2. Cơ sở sản xuất và lưu thông phân phối phải bảo đảm chất lượng nước tương theo các yêu cầu kỹ thuật này ít nhất 45 ngày kể từ ngày xuất xưởng.

2. PHƯƠNG PHÁP THỬ

2.1. Phương pháp lấy mẫu, kiểm nghiệm phải theo mẫu quy định trong 53 TCV 33 – 79 và 53 TCV 49 – 79.

3. BAO BÌ, GHI NHÃN – BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN.

3.1 Bao bì, ghi nhãn

Nước tương phải được vô bao bì là chai thủy tinh hoặc bình P.E sạch, không pha màu. Bao bì phải vô nút kín, niêm phong kỹ. Ngoài bao bì có ghi nhãn với nội dung :

- Tên sản phẩm, ký hiệu, dấu hiệu, hàm lượng đạm.
- Tên Cơ sở sản xuất và địa chỉ.
- Ký hiệu tiêu chuẩn và số đăng ký nhãn hiệu chất lượng.
- Thời gian bảo hành, 45 ngày kể từ ngày.....

3.2. Bảo quản, vận chuyển.

Nước tương thành phẩm phải được bảo quản ở kho hoặc ở quầy phân phối theo đúng quy định trong 53 TCV 51 – 79. Chỉ được dùng phương tiện vận chuyển chuyên dùng cho thực phẩm để chuyển vận Nước tương.